

Số: 34/KH-PTDTBT-THNN

Nậm Nèn, ngày 04 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG **NĂM HỌC 2025-2026**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ văn bản số 3535/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2020-2021;

Căn cứ văn bản số 3536/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về việc biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và tổ chức thực hiện từ năm học 2020-2021;

Căn cứ văn bản số 2345/BGDĐT- GDTH ngày 7/6/2021 về Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ văn bản số 4567/BGDĐT- GDPT ngày 05/8/2025 về việc Hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 2616/SGDĐT-GDMNTH ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 2611/SGDĐT-QLĐT ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 đối với công tác học sinh, sinh viên;

Căn cứ Công văn số 2627/SGDĐT-KHTC ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc Hướng dẫn nhiệm vụ trong tâm công tác kế hoạch và tài chính năm học 2025-2026;

Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2024-2025 và tình hình thực tế của nhà trường, trường PTDTBT tiểu học Nậm Nèn xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học 2025- 2026, cụ thể như sau:

I. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2025- 2026.

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Xã Nậm Nèn là xã Miền núi, nằm cách tỉnh Điện Biên hơn 100 km, có tổng diện tích tự nhiên sau sáp nhập là: 175 km², toàn xã có 18 bản với: 7.565 nhân khẩu. Trong

đó Dân tộc thái chiếm 20,30%; Dân tộc Mông chiếm 59,35%; Dân tộc Khơ Mú chiếm 14,54%; Dân tộc Kháng chiếm 4,54%; Dân tộc Kinh chiếm 1,20%; Dân tộc Mường chiếm 0,07%.

Địa bàn là đồi núi cao, dân cư sống rải rác chưa tập trung, nguồn thu nhập của nhân dân chủ yếu dựa vào ngành nông nghiệp là chính. Chính trị xã hội tương đối ổn định.

Tình hình phát triển kinh tế- xã hội tương đối ổn định, thu nhập bình quân/đầu người còn thấp, kinh tế mũi nhọn là nông nghiệp, tốc độ tăng trưởng kinh tế còn chậm, xu hướng phát triển kinh tế chủ yếu là Nông-Lâm kết hợp. An ninh quốc phòng trật tự xã hội khá tốt.

Cán bộ và nhân dân các dân tộc có tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu vươn lên khắc phục khó khăn các chỉ tiêu về giáo dục hàng năm đều đạt và vượt. Về chính trị, trật tự an toàn xã hội thường xuyên được củng cố, ổn định.

Các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện đã dần đi vào cuộc sống giúp nâng cao nhận thức và hành động của mọi người.

Công nghệ thông tin phát triển mạnh giúp cho mọi tầng lớp nhân dân nắm bắt được thông tin về giáo dục nhanh, từ đó có sự thấu hiểu và chia sẻ đối với nhà trường trong quá trình triển khai nhiệm vụ dạy học và giáo dục.

*** Thuận lợi:**

Năm học nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của phòng VHXH xã. Sự quan tâm của ĐU-HĐND-UBND xã Nậm Nèn. Sự phối kết hợp chặt chẽ của các đoàn thể trong và ngoài nhà trường, sự ủng hộ và giúp đỡ của các lực lượng vũ trang đóng quân trên địa bàn xã.

Tập thể cán bộ giáo viên nhà trường có trình độ chuyên môn vững vàng, luôn duy trì và giữ vững khối đoàn kết cùng giúp đỡ nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Ban giám hiệu nhà trường nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo trong công việc, chỉ đạo bám sát kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm của ngành.

Cơ sở vật chất khu trung tâm và các điểm trường của nhà trường luôn khang trang, sạch đẹp, sân chơi bãi tập rộng rãi thoáng mát tạo điều kiện tốt cho các em học tập và vui chơi.

Trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu giáo dục hiện nay.

Tỷ lệ học sinh được huy động ra lớp cao; đi học chuyên cần, có ý thức tham gia học tập, lao động và rèn luyện tốt.

Trường đã hoàn thành duy trì vững chắc kết quả phổ cập GDTH mức độ III và Phổ cập Xóa mù chữ mức độ II, nhà trường duy trì và nâng cao các tiêu chí trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ I và kiểm định chất lượng giáo dục mức độ II. Trường có thư viện đạt chuẩn.

*** Khó khăn:**

Trường PTDTBT tiểu học Nậm Nền được giao nhiệm vụ giáo dục con em của 08 thôn bản trong xã. Đa số bà con nhân dân sống bằng nghề nông, đời sống của một bộ phận nhân dân còn nghèo nàn, thiếu thốn. Mặt bằng dân trí không đồng đều do đó ảnh hưởng không nhỏ tới sự nghiệp phát triển giáo dục của nhà trường.

Điều kiện học tập của học sinh ở một số thôn bản chưa đảm bảo. Phần lớn phụ huynh ở một số thôn bản như (Hô Mực, Phiêng đất A) chưa quan tâm nhiều đến học tập của con em. Một số giáo viên còn hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ. Tuy đã được chuẩn hoá về trình độ nhưng năng lực chuyên môn không đồng đều ảnh hưởng tới việc nâng cao chất lượng dạy và học.

- Cơ sở vật chất tuy đã được đầu tư nhưng chưa đồng bộ, trường còn thiếu 02 phòng học bộ môn, phòng học công trình vệ sinh tại 2 điểm trường Phiêng đất A.

Diện tích lớp học chật hẹp, học sinh/ lớp đông, diện tích sân chơi, bãi tập của học sinh chưa đúng quy định.

+ Hệ thống phòng học, phòng chức năng, hệ thống điện đã xuống cấp.

+ Hệ thống máy chiếu, máy photo, máy tính, máy in của nhà trường đã hỏng hóc, số lượng chưa đáp ứng được cho nhu cầu dạy và học.

- Một số giáo viên việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy còn hạn chế, năng lực chuyên môn của giáo viên không đồng đều, việc tiếp cận, đổi mới phương pháp dạy học mới còn chậm, chưa linh hoạt.

- Học sinh về Trung tâm học của các bản Phiêng đất B, Nậm Cút, không được hưởng chế độ bán trú phải đi lại trong ngày để học 2 buổi/ngày còn gặp nhiều khó khăn.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025-2026

2.1. Đặc điểm học sinh của trường:

- Năm học 2025-2026 nhà trường có 14 lớp và 386 học sinh. Trong đó có 12 lớp đơn; 2 lớp ghép 1 + 2. Cụ thể:

Khối lớp	Kế hoạch giao		Thực hiện		Trong đó						Tỷ lệ hs/lớp
	Lớp	HS	Lớp	HS	Nữ	Dân tộc	Khuyết tật	NĐ 238	Bán trú	Nữ BT	
Khối 1	3	64	3	79	40	74	2	79	28	14	26,3
Khối 2	3	57	3	67	32	66	0	65	37	18	22,3
Khối 3	3	68	2	72	34	70	3	69	48	25	26,5
Khối 4	3	78	3	84	43	82	0	82	46	26	28,0
Khối 5	3	79	3	84	42	80	1	83	49	24	28,0
Tổng	15	346	14	386	191	372	6	378	208	107	27,6

* Tỷ lệ huy động

- Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%

- Tỷ lệ huy động học sinh 6 đến 10 tuổi ra lớp: 386/386 đạt tỷ lệ 100%

- Tỷ lệ học sinh nữ đạt 49,4%

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý:

a. Về số lượng, trình độ đào tạo:

	Tổng số	Nữ	Đảng viên	Tỉ lệ GV/lớp	Trình độ đào tạo				
					Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Chưa qua đào tạo
CBQL	3	2	3	0	0	3	0	0	0
Giáo viên	21	12	15	1,5	0	19	2	0	0
TPTĐ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Nhân viên	7	5	4	0	0	2	0	1	4
Cộng	31	19	22	1,5	0	24	2	1	4

b. Về cơ cấu đội ngũ

- CBQL: 03, trong đó: Hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 02;

- Tổng số giáo viên: 21, trong đó: Giáo viên văn hóa: 13, Tiếng Anh: 02, Âm nhạc 1, Thể dục: 02; Mỹ thuật: 01, Tin học & Công nghệ: 01.

- Tổng số nhân viên: 06 người trong đó: Thư viện - Thiết bị: 01; Văn thư: 01; Bảo vệ: 01; Y tế: 1; Nuôi dưỡng: 2.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú:

* Cơ sở vật chất nhà trường:

Loại phòng (nhà)	Tổng số	Phân loại			Ghi chú
		Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	
Phòng học	14	10	4	0	
Phòng học bộ môn	1	1		0	
Phòng chức năng	0			0	
Phòng hội đồng	1	1		0	
Phòng thiết bị	1			1	
Phòng thư viện	1		1	0	
Phòng y tế	1		1	0	
Phòng hành chính	3		3	0	
Phòng bảo vệ	1		1	0	
Phòng công vụ	2		2	0	

* Thiết bị dạy học

Tên thiết bị	Số lượng	Ghi chú
Máy tính phục vụ học tập	12	
Máy tính dùng cho quản lý	3	
Máy tính phục vụ văn phòng	0	
Máy chiếu	6	
Máy phô tô	2	

Ti vi	11	
Bảng chống lóa	16	
Bộ bàn ghế dành cho giáo viên	14	
Bộ bàn dành cho học sinh	194	
Ghế dành cho học sinh	386	
Sách giáo khoa	386	
Thiết bị dạy học GV	14	
Thiết bị dạy học HS	386	

* Điểm trường, lớp ghép

Điểm trường	Lớp đơn				Lớp ghép			
	Khối lớp	Số lớp	Số học sinh	Nữ	Khối lớp	Số lớp	Số học sinh	Nữ
Trung tâm	1	2	59					
	2	2	56					
	3	2	72					
	4	3	84					
	5	3	84					
Tổng cộng		12	356					
Phiêng đất A					1	1	9	
					2		4	
Tổng							13	
Hô Mức					1		11	
					2	1	7	
Tổng							18	
Tổng cộng						2	31	

*** Cơ sở vật chất phục vụ bán trú.**

- Nhà bếp và nhà ăn: có 01 nhà bếp, 01 nhà ăn. Nhà bếp, nhà ăn đảm bảo cơ sở vật chất cho 208 học sinh ăn, nghỉ bán trú tại trường.
- Phòng ở bán trú; 8 phòng.
- Nhà tắm; 1 nhà = 2 phòng
- Nhà vệ sinh: 1 nhà.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

“Kỷ cương - Sáng tạo - Đột phá - Phát triển” - nhằm thúc đẩy toàn ngành thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đạt được kết quả toàn diện trong giáo dục và đào tạo.

- Chào mừng kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh Điện

Biên lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025-2030, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, hướng tới Đại hội thi đua yêu nước tỉnh Điện Biên lần thứ VI (2025-2030), Đại hội Thi đua yêu nước ngành Giáo dục lần thứ VIII - năm 2025, Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI năm 2025.

- Tuyên truyền, triển khai thực hiện: Chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo; chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ năm học, trọng tâm là Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

- Đổi mới công tác quản lý giáo dục, quản trị nhà trường theo hướng tăng quyền tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.

- Thực hiện tốt công tác giáo dục tư tưởng chính trị, xây dựng khối đoàn kết; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; tăng cường an ninh, an toàn trường học; xây dựng văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh.

- Đảm bảo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

- Tạo dựng môi trường học tập thân thiện, tích cực có nề nếp, kỷ cương, có tình yêu thương, tinh thần đoàn kết, hợp tác, có chất lượng giáo dục để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực và tư duy của bản thân.

- Phần đầu xây dựng trường là nơi đào tạo học sinh trở thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và có khát vọng vươn lên.

- Duy trì trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức 2, đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

2. Chỉ tiêu cụ thể:

2.1. Huy động và duy trì số lượng học sinh

- Huy động duy trì 386/386 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học không có học sinh bỏ học giữa chừng.

- Huy động số học sinh 6 tuổi vào lớp 1: 79/79 HS đạt 100%.

- PCGDTH: Huy động số học sinh 6-10 tuổi ra lớp: 386/386 HS đạt tỷ lệ 100%.

- PCGDTH mức độ 3: Số HS độ tuổi 11 hoàn thành chương trình tiểu học: 84/84 HS đạt 100%.

2.2. Chất lượng giáo dục

*** Về Năng lực:**

- Về những năng lực chung:

Nội dung	Xếp loại	Khối lớp				
		Khối 1- 79	Khối 2- 67	Khối 3- 72	Khối 4- 84	Khối 5 - 84

		HS		HS		HS		HS		HS	
		TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
Tự chủ và tự học.	Tốt	52	94,5	43	64,2	46	63,9	44	54,3	44	52,4
	Đạt	27	49,1	24	35,8	26	36,1	40	49,4	40	47,6
	Cần cố gắng	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Giao tiếp và hợp tác.	Tốt	50	63,2	40	59,7	45	62,5	45	55,6	45	53,6
	Đạt	29	36,8	27	40,3	27	37,5	39	48,1	39	46,4
	Cần cố gắng	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt	50	63,2	39	58,2	43	59,7	44	54,3	44	52,4
	Đạt	29	36,8	28	41,8	29	40,3	40	49,4	40	47,6
	Cần cố gắng	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0

-Về Những năng lực đặc thù:

Nội dung	Xếp loại	Khối lớp									
		Khối 1- 79 HS		Khối 2- 67 HS		Khối 3- 72 HS		Khối 4- 84 HS		Khối 5 - 84 HS	
		TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
Ngôn ngữ	Tốt	40	50,7	37	55,2	40	55,6	46	56,8	46	54,8
	Đạt	39	49,3	30	44,8	32	44,4	38	46,9	38	45,2
	Cần cố gắng	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Tính toán	Tốt	41	51,9	38	56,7	39	54,2	44	54,3	44	52,4
	Đạt	38	48,1	29	43,3	33	45,8	40	49,4	40	47,6
	Cần cố gắng	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Khoa học	Tốt	43	55,4	39	58,2	42	58,3	46	56,8	46	54,8
	Đạt	36	45,6	28	41,8	30	42,7	38	46,9	38	45,2
	Cần cố gắng	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Công nghệ	Tốt					43	59,7	47	58,0	47	56,0
	Đạt					29	40,3	37	45,7	37	44,0
	Cần cố gắng					0	0,0	0	0,0	0	0,0
Tin học	Tốt					42	58,3	47	58,0	47	56,0
	Đạt					30	41,7	37	45,7	37	44,0
	Cần cố gắng					0	0,0	0	0,0	0	0,0
Thẩm mĩ	Tốt	45	57,0	42	62,7	44	61,1	48	59,3	48	57,1
	Đạt	34	43,0	25	37,3	28	38,9	36	44,4	36	42,9

	Cần cố gắng	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Thể chất	Tốt	46	58,2	43	64,2	46	64,4	50	61,7	50	59,5
	Đạt	33	41,8	24	35,8	26	35,6	34	42,0	34	40,5
	Cần cố gắng	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0

*** Về phẩm chất:** Những phẩm chất chủ yếu:

Nội dung	Xếp loại	Khối lớp									
		Khối 1- 79 HS		Khối 2- 67 HS		Khối 3- 72 HS		Khối 4- 84 HS		Khối 5 - 84 HS	
		TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
Yêu nước	Tốt	65	82,3	56	83,6	60	83,3	69	85,2	69	82,1
	Đạt	14	17,7	11	16,4	12	16,7	15	18,5	15	17,9
	Cần cố gắng	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Nhân ái	Tốt	65	82,3	54	80,6	61	84,7	70	86,4	70	83,3
	Đạt	14	17,7	13	19,4	11	15,3	14	17,3	14	16,7
	Cần cố gắng	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Chăm chỉ	Tốt	59	74,7	39	58,2	42	57,5	50	61,7	50	59,5
	Đạt	20	25,3	28	41,8	30	42,5	34	42,0	34	40,5
	Cần cố gắng	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Trung thực.	Tốt	60	76,0	52	77,6	58	80,6	66	81,5	66	78,6
	Đạt	19	24,0	15	22,4	14	19,4	18	22,2	18	21,4
	Cần cố gắng	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Trách nhiệm.	Tốt	60	76,0	49	73,1	54	75,0	60	74,1	60	71,4
	Đạt	19	24,0	18	26,9	18	25,0	24	29,6	24	28,6
	Cần cố gắng	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0

*** Quá trình học tập các môn học và HDGD:**

Môn học	Xếp loại	Khối lớp									
		Khối 1- 79 HS		Khối 2- 67 HS		Khối 3- 72 HS		Khối 4- 84 HS		Khối 5 - 84 HS	
		TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
Tiếng Việt	HTT	40	50,7	37	55,2	40	55,6	45	53,6	45	53,6
	HT	39	49,3	30	44,8	32	44,4	39	46,4	39	46,4
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Toán	HTT	41	51,9	38	56,7	39	54,2	45	55,6	45	53,6
	HT	38	48,1	29	43,3	33	45,8	39	48,1	39	46,4
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0

Đạo đức	HTT	44	55,7	43	64,2	46	63,9	46	56,8	46	54,8
	HT	35	44,3	24	35,8	26	36,1	38	46,9	38	45,2
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
TNXH	HTT	43	55,4	39	58,2	42	58,3				
	HT	36	45,6	28	41,8	30	42,7				
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0				
LS&DL	HTT							45	55,6	45	53,6
	HT							39	48,1	39	46,4
	CHT							0	0,0	0	0,0
Khoa học	HTT							45	55,6	45	53,6
	HT							39	48,1	39	46,4
	CHT							0	0,0	0	0,0
Âm nhạc	HTT	43	55,4	42	62,7	46	63,0	48	59,3	48	57,1
	HT	36	45,6	25	37,3	26	37,0	36	44,4	36	42,9
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Mỹ thuật	HTT	45	57,0	42	62,7	44	61,1	48	59,3	48	57,1
	HT	34	43,0	25	37,3	28	38,9	36	44,4	36	42,9
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Giáo dục thể chất	HTT	46	58,2	43	64,2	46	64,4	50	61,7	50	59,5
	HT	33	41,8	24	35,8	26	35,6	34	42,0	34	40,5
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Hoạt động trải nghiệm	HTT	47	59,5	44	65,7	46	63,0	54	66,7	54	64,3
	HT	32	40,5	23	34,3	27	37,0	30	37,0	30	35,7
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Tiếng anh	HTT					41	56,9	45	55,6	45	53,6
	HT					31	43,1	39	48,1	39	46,4
	CHT					0	0,0	0	0,0	0	0,0
Tin học	HTT					44	61,6	47	58,0	47	56,0
	HT					28	38,4	37	45,7	37	44,0
	CHT					0	0,0	0	0,0	0	0,0
Công nghệ	HTT					43	61,6	47	58,0	47	56,0
	HT					28	38,4	37	45,7	37	44,0
	CHT					0	0,0	0	0,0	0	0,0
Tăng cường TV	HTT	44	55,7	39	58,2	42	57,5				
	HT	35	44,3	28	41,8	30	42,5				
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0				
Độc sách	HTT	40	50,7	41	61,2	44	61,1	50	61,7	50	59,5

TV	HT	39	49,3	26	38,8	28	38,9	34	42,0	34	40,5
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
GDĐP	HTT	42	53,1	42	62,7	46	63,0	48	59,3	48	57,1
	HT	37	46,9	25	37,3	16	37,0	36	44,4	36	42,9
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0

- Kết quả giáo dục cuối năm học:

Khối lớp	TSHS được đánh giá	HTXS		HTT		HT		CHT	
		TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
1	79	16	20,2	25	31,6	38	49,3	0	0
2	67	14	20,9	22	32,8	31	46,3	0	0
3	72	15	20,8	26	34,7	31	43,1	0	0
4	84	18	21,4	27	32,1	39	46,4	0	0
5	84	18	21,4	27	32,1	39	46,4	0	0
Tổng	386	81	21,0	127	32,9	178	46,1	0	0

- Hoàn thành chương trình lớp học 386/386 tỷ lệ 100% (gồm 06 học sinh khuyết tật học hòa nhập).

- Hoàn thành chương trình Tiểu học: 84/84 tỷ lệ 100%.

c. Khen thưởng cuối năm học:

Học sinh được khen thưởng: 190/386, đạt tỷ lệ 49,2%. Cụ thể:

Khối	TSHS	HS Hoàn thành xuất sắc		HS tiêu biểu	
		SL	%	SL	%
1	79	16	20,2	20	25,3
2	67	14	20,9	17	25,4
3	72	15	20,8	18	25,0
4	84	18	21,4	27	32,1
5	84	18	21,4	27	32,1
Cộng	386	81	21,0	109	28,2

d. Các hoạt động khác

* Phong trào Giữ vở sạch - viết chữ đẹp.

- Lớp có phong trào vở sạch chữ đẹp 14/14 lớp = 100%

- Học sinh tham gia Giao lưu viết chữ đẹp cấp trường: 209/387 em = 54,1% trở lên. Trong đó:

- + Khối lớp 1: 3 lớp = 34/79 HS, đạt tỷ lệ 43,0%.
- + Khối lớp 2: 3 lớp = 31/67 HS, đạt tỷ lệ 44,8%.
- + Khối lớp 3: 2 lớp = 35/72 HS, đạt tỷ lệ 48,6%.
- + Khối lớp 4: 3 lớp = 52/84 HS, đạt tỷ lệ 57,1%.
- + Khối lớp 5: 3 lớp = 54/84 HS, đạt tỷ lệ 64,3%.

*** Tổ chức các HĐGD, sân chơi trí tuệ và giao lưu:**

- + Tìm hiểu An toàn giao thông (Tháng 10),
- + Giao lưu tiếng Việt (Tháng 11- khối 4, 5; Tháng 3 - khối 1,2,3)
- + Giao lưu Toán tuổi thơ (Tháng 01- khối 4, 5; Tháng 4 - khối 1,2,3)
- + Kể chuyện theo sách.
- + Triển lãm tranh theo chủ đề: 20/10; 20/11; 8/3; 20/3.
- + Triển lãm sách (Tháng 4)
- + Câu lạc bộ tiếng Anh “Rung Chuông vàng” (Tháng 12- khối 5; Tháng 5 - khối 3, 4)
- + Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng: 1-2 sản phẩm thi cấp trên.

* Thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường, trang trí lớp theo quy định (số lượng, tỷ lệ %)

- Ca múa hát đầu giờ; HĐTT sân trường, thể dục: 387/387 HS đạt tỷ lệ 100%
- Trang trí lớp theo quy định: 14/14 lớp đạt tỷ lệ 100%
- * Hoạt động đội thiếu niên, sao nhi đồng.
- Chủ đề năm học:

“Thiếu nhi Điện Biên vững bước tiến vào kỷ nguyên mới”

- Số HS đạt danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ: 310/387, đạt tỷ lệ 80,3%.
- Chỉ tiêu kết nạp đội viên: 72/72 em đạt 100%.
- Phần đấu số chi đội mạnh: 6/6 chi đội = 100%.
- Phần đấu tập thể Sao nhi đồng xuất sắc sao 8 tập thể = 100%

3. Chất lượng đội ngũ

- * Đánh giá, xếp loại CB, GV.
- Ban giám hiệu: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 3/3 đ/c đạt tỷ lệ 100%;
- Giáo viên, NV: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 5/25 đ/c đạt tỷ lệ 20 %; Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 16/25 đ/c đạt tỷ lệ 80%; Hoàn thành nhiệm vụ: 0
- * Giáo viên giỏi các cấp: 14/21 đạt tỷ lệ 66,7%. Trong đó: Cấp trường: 14/21 đ/c đạt tỷ lệ 66,7%; cấp huyện: 6/21 đ/c đạt tỷ lệ 28,6%.
- * Số SKKN công nhận cấp huyện: 10/21 đ/c đạt tỷ lệ 47,6%. Trong đó:
- Ban giám hiệu: 3/3 đ/c đạt tỷ lệ 100%
- Giáo viên: 7/21 đ/c đạt tỷ lệ 33,3%

* Xếp loại CBQL, giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp:

- Ban giám hiệu: Tốt: 3/3 đ/c đạt tỷ lệ 100%; Khá: 0.

- Giáo viên: Tốt: 14/21 đ/c đạt 66,7%, Khá 7/21 đ/c đạt tỷ lệ 33,3%

* Chất lượng hồ sơ:

- BGH: Tốt 3/3 bộ đạt tỷ lệ 100%

- Tổ trưởng: Tốt: 3/3 đ/c đạt 100%; Khá: 0/3 đ/c đạt tỷ lệ 0%.

- Giáo viên: Tốt: 19/21 đ/c đạt tỷ lệ 90,5%; Khá: 2/21 đ/c đạt tỷ lệ 9,5%;

- Số đồ dùng dạy học làm thêm: 21 sản phẩm/1 học kì.

* **Công tác bồi dưỡng giáo dục**

- Thực hiện tự bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch số 2184/KH- SGDĐT ngày 29/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên về Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên năm học 2025-2026;

- **Chuyên đề trường:**

+ Tổ chức chuyên đề cấp trường: TV lớp 5- Đổi mới phương pháp dạy học TV theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Tổ khối 4+5; tháng 1- Lò Văn Tiên)

- **Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học:**

Dạy minh họa môn TV lớp 5-Tháng 9 (Tổ khối 4+5)

Dạy minh họa môn Toán lớp 1. Tháng 10 (Tổ khối 1)

Dạy học TV cho học sinh lớp 2- Tháng 11 (Tổ khối 2+3)

Dạy minh họa Toán lớp 3-Tháng 12 (Tổ khối 2+3).

Dạy minh họa TV lớp 1-Tháng 1 (Tổ khối 1).

Dạy minh họa tiết học STEM- Tháng 3 (Tổ khối 2+3)

Dạy minh họa tiết LS&ĐL tích hợp QPAN- Tháng 4 (Tổ khối 4+5)

4. Xếp loại thi đua năm học 2025-2026.

- Trường duy trì đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1

- Duy trì đạt chuẩn PC GDTH mức độ 3

- Duy trì đạt chuẩn Phổ cập XMC mức độ 2.

- Trường có đời sống văn hóa tốt.

- Trường xanh - sạch - đẹp loại Xuất sắc.

- Duy trì trường học thân thiện, học sinh tích cực đạt loại tốt.

- Chi bộ: Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ.

***Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường tiểu học.**

- Duy trì và nâng các các tiêu chí đã đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018. Thông tư Ban hành quy định về

kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường Tiểu học.

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

- Quy định số tiết dạy lớp 1, 2, 3, 4, 5 theo TT 32/2018 cụ thể như sau:

T T	Môn học	Số tiết học từng môn của lớp 1			Số tiết học từng môn của lớp 2			Số tiết học từng môn của lớp 3			Số tiết học từng môn của lớp 4			Số tiết học từng môn của lớp 5		
		H K1	H K2	CN	H K1	HK 2	C N	HK 1	H K2	CN	H K1	HK 2	CN	H K1	H K2	CN
Môn học và hoạt động giáo dục																
1	T.Việt	21 6	204	420	180	170	35 0	126	11 9	245	12 6	119	245	126	11 9	245
2	Toán	54	51	105	90	85	17 5	90	85	175	90	85	175	90	85	175
3	T. Anh	0	0	0	0	0	0	72	68	140	72	68	140	72	68	140
4	Đạo Đức	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
5	TN&XH	36	34	70	36	34	70	36	34	70	0	0	0	0	0	0
6	LS&ĐL	0	0	0	0	0	0	0	0	0	36	34	70	36	34	70
7	Khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	36	34	70	36	34	70
8	Nghệ thuật: AN&MT	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70
9	Tin học& CN	0	0	0	0	0	0	36	34	70	36	34	70	36	34	70
10	GDTC	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70
11	TC tiếng Việt	18	17	35	18	17	35	18	17	35	0	0	0	0	0	0
12	Đọc sách tại thư viện	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
13	GDĐP	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22
14	HĐTN	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
TS tiết/ năm		498	469	967	498	469	967	552	520	1072	570	537	1107	570	537	1107
Môn học tự chọn																
1	Tiếng DT thiểu số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Tiếng anh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	TV+	36	34	70	36	34	70	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Toán +	36	34	70	36	34	70	18	17	35	0	0	0	0	0	0
TS tiết tự chọn		72	68	140	72	68	140	18	17	35	0	0	0	0	0	0
Chương trình tăng cường mở rộng																
.....																
T.số tiết/năm học (kể các môn học tự chọn)		570	537	1107	570	537	1107	570	537	1107	570	537	1107	570	537	1107
Số tiết trung bình/tuần		32			32			32			32			32		

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Truyền thống nhà trường	- Lễ khai giảng chào mừng năm học mới - Tìm hiểu truyền thống nhà trường.	- Kết hợp tổ chức cùng nhà trường. - Tập trung trên sân trường nghe, trả lời các câu hỏi giao lưu để nhận quà tặng	5/9/2025 6/9 ->10/9	- Ban giám hiệu. TPT Đội, HS	- GV, HS toàn trường - BGH
Tháng 10	Thiếu Nhi Điện Biên thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy	- Vui tết trung thu. - Hưởng ứng: Tuần lễ học tập suốt đời. Góp sách cho tủ sách anh em. - Trang trí góc học tập ở nhà và tự chuẩn bị đồ dùng khi đến lớp. - GD STEM Trải nghiệm: Làm thiệp chúc mừng ngày 20/10 - Thực hành: sử	- Tổ chức cho học sinh thi làm lồng đèn, mâm ngũ quả, xem múa lân..... - Phát động tuần lễ học tập suốt đời Tham quan những góc trang trí sách của các lớp; khuyến góp ủng hộ sách - Giáo viên chủ nhiệm phát động phong trào sau đó kết hợp với phụ huynh kiểm tra sản phẩm của học sinh tại gia đình - Cho học sinh hiểu ý nghĩa của ngày 20/ 10	6/10/2025 6->8/10 7-10/10 13->17/10	GVCN, HS - BGH; GV, HS; cán bộ thư viện, phụ huynh GV; HS và PH GV; HS và PH	-GVCN, HS, Đoàn thanh niên - BGH; GV, HS; cán bộ thư viện, phụ huynh GV; HS và PH GV; HS và PH

		dụng điện an toàn... vui chơi an toàn; - Vệ sinh trường lớp xanh, sạch, thân thiện và an toàn.	sau đó GV cùng PH hướng dẫn học sinh làm thiệp chúc mừng. - Tuyên truyền về vui chơi an toàn trên sân trường, cách sử dụng điện an toàn dưới hình thức tập trung và theo lớp. - HS lao động tổng về sinh lớp học và sân trường. Tổ chức sinh hoạt Đội, sinh hoạt Sao.	24/10 27/10/2025	GV; HS Toàn trường	GV; HS GVCN – HS, TPTĐ
Tháng 11	Tôn sư trọng đạo	- Tìm hiểu nghề thủ công địa phương. - Sáng tạo về chủ đề thầy cô của em: - Giao lưu văn nghệ chào mừng 20/11 - HĐGD STEM kỉ niệm 20/11 - Tri ân thầy cô 20/11 - Vẽ tranh: Xây dựng trường học hạnh phúc - Giao lưu : Phòng chống xâm hại trẻ em	- HS Toàn trường - HS vẽ báo tường; sưu tầm báo ảnh thi với các lớp. - Thi văn nghệ giữa các khối lớp. - Sp tặng thầy cô 20/11 - Lời chúc mừng - HS thi vẽ tranh trên sân trường - Giao lưu tập trung trên sân trường	- 3/11/2025 - HS vẽ báo tường; sưu tầm báo ảnh thi với các lớp. - 10/11-> 20/11 17/11/2025 20/11 24/11 -> 28/11	- GV, HS toàn trường - BGH, GV NV - GV; HS và PH - GV; HS - HS - GV; HS	- GV, HS toàn trường - BGH, GV- NV - GVCN HS toàn trường. - GVCN HS toàn trường - GVCN HS toàn trường

				24/11/2024	- GV; HS	
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	- Học tập tác phong anh bộ đội cụ Hồ. - Giao lưu với chú công an - Em yêu lịch sử Việt Nam (giao lưu Theo dòng Lịch sử) - Thăm gia đình thương binh Liệt sĩ, thăm tặng quà một số gđ thương binh, liệt sỹ trong xã.	- Toàn trường - Nói chuyện với công an - Tổ chức tại sân trường. - BGH; TPT; Đoàn viên và 10 học sinh thăm gia đình thương binh để hỏi thăm và tặng quà .	- 1/12-> 5/12 - 8/12/2025 - 15/12 -22/12	- HS - TPT Đội - Toàn trường - BGH; PTĐ; Đoàn thanh niên; 10 HS	- Đoàn TN, GV- NV - Công an xã. - GVTPPT - BCH liên đội. - Phụ huynh - BGH; PTĐ; Đoàn thanh niên; HS

Tháng 1	Giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc	- Các trò chơi dân gian... (thi kéo co với các khối lớp) - Tìm hiểu về Tết Nguyên đán - Tìm hiểu về lễ hội văn hóa lễ hội ở Điện Biên - Thăm gia đình Hs nghèo nhân dịp Tết Nguyên đán. - Thực hành phòng tránh tai nạn thương tích: an toàn bản thân, cháy nổ, chấp điện....(ngoại khóa) - Kỹ năng: cách phòng tránh các bệnh thông thường.	- Toàn trường - Sinh hoạt dưới cờ, SHL và qua công tác chủ nhiệm - BGH; TPT; Đoàn viên và 10 học sinh đi thăm để hỏi thăm và tặng quà. - Sinh hoạt dưới cờ và giáo dục lồng ghép vào môn học, SHL, HS thực hành tại lớp và gia đình - Sinh hoạt dưới cờ và giáo dục lồng ghép vào môn học, SHL HS thực hành tại lớp và gia đình.	-5/01-> 9/01 - 12/01 - 19/01 - 19/01 26/01	- BGH TPT. - TPT Đội + GVCN + HS toàn trường. - BGH; PTĐ; ĐTN; HSTT - Toàn trường - Toàn trường.	- BGH, TPT, GVCN và học sinh toàn trường - PH. - GVTPT -GVCN - HS - Giáo viên và học sinh toàn trường - GVTPT - YT học đường - GVCN - HS
Tháng 2	Mừng Đảng mừng Xuân	- Tổ chức tết DT: Gói bánh, cắm hoa, ngày hội ẩm thực... - Thực hành: làm lì xì và Nói lời chúc mừng người thân nhân dịp Tết. - Nghỉ tết Nguyên đán - Thực hành: Trồng cây hướng ứng ngày Tết	- Tổ chức tập tưng trên sân trường - Tổ chức tại lớp học - Tại gia đình - Ngày khai xuân mỗi thầy cô giáo và học	-02- 03/02 -9/02 -16- 21/2 -23/02	-GV, HS toàn trường; Phụ huynh - GV, HS toàn trường; - HS ; GV	-GV, HS toàn trường; Phụ huynh -GVCN, Phụ huynh -BGH;

		trồng cây. - Tập văn nghệ mừng mẹ, mừng cô. - Tập nói lời yêu thương.	sinh mang một cây cảnh hoặc cây ăn quả đến trường trồng. - Thực hiện trên sân trường. - Lớp HS chia sẻ trước.	- 24/02->27/02 - 24/02->27/02	- Toàn trường. - Toàn trường	PTĐ; Đoàn thanh niên; HS -GVCN, HS, PH - Giáo viên và học sinh toàn trường
Tháng 3	Tiến bước lên đoàn	- Diễn văn nghệ mừng mẹ, mừng cô. - Vẽ tranh gia đình em. - Hoạt động trải nghiệm: Gửi trọn yêu thương.	- Thực hiện trên sân trường. - Thực hiện trên sân trường - GV bàn với phụ huynh tổ chức cho học sinh đi theo khối, lớp.	- 2/3->8/3 - 9/3->13/3 - 23/3-27/3	- TPT, BT Đoàn. -Toàn trường - Toàn trường	- TPT, BT Đoàn. - GVCN – GV Mỹ thuật -HS - GVCN – GV TPT – PH- HS
Tháng 4	Hòa bình hữu nghị	- Tìm hiểu về biển đảo quê hương - Tìm hiểu về ngày 30/4, 1/5	- Tổ chức trò chơi toàn trường. - Thực hiện trong lớp	- 1/4->10/4 - 20/4->29/4	- TPTĐ, GVCN - GVCN, HS	- TPTĐ, GVCN - GVCN - HS
Tháng 5	Bác Hồ kính yêu	- Tìm hiểu về ngày thành lập Đội 15/5. - Tổ chức chào mừng ngày 19/5	- Tổ chức toàn trường. - Tổ chức kể chuyện, múa hát toàn trường	- 4/5->8/5 - 11/5->19/5	- TPTĐ, GVCN - TPTĐ, GVCN	- TPTĐ, GVCN - TPTĐ, GVCN

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Thể dục buổi sáng	Thể dục buổi sáng	Học sinh nội trú/toàn	5h15p - 5h30p	Sân trường	

			trường			
2	Vệ sinh cá nhân	Đánh răng, rửa mặt, gấp chăn màn	Học sinh nội trú/toàn trường	5h30p-5h45p	Khu nội trú	
3	Ăn sáng	Ăn sáng	Học sinh nội trú/toàn trường	5h45p-6h10p	Nhà ăn	
4	Vệ sinh phòng ở, lớp học	quyết dọn nhà vệ sinh, phòng ở.	Học sinh nội trú/toàn trường	6h10p-6h45p	Khu nội trú, lớp học	
5	Vệ sinh cá nhân chuẩn bị ăn trưa	Rửa chân tay, chia cơm	Học sinh nội trú/toàn trường	10h30p – 10h45p	Khu nội trú, nhà ăn	
6	Ăn trưa	Ăn trưa	Học sinh nội trú/toàn trường	10h54p-11h15p	Nhà ăn	
7	Dọn dẹp nhà ăn	quyết dọn	Học sinh nội trú/theo lớp	11h15p-11h30p	Nhà ăn	
8	Nghỉ trưa	Ngủ	Học sinh nội trú/toàn trường	11h30p-13h15p	Phòng ở	
9	Vệ sinh cá nhân	Rửa, mặt mũi, chân tay,	Học sinh nội trú/toàn trường	13h15p-13h30p	Bể nước khu nội trú	
10	Vệ sinh phòng ở, lớp học	quyết dọn	Học sinh nội trú/theo lớp	13h30-14h00p	Khu nội trú, lớp học	
11	Đọc sách tại thư viện; Hoạt động TDTT, Chăm sóc vườn rau, bồn hoa	Đọc sách; TDTT, Chăm sóc vườn rau, bồn hoa	Học sinh nội trú/toàn trường	16h30p-17h00p	Thư viện, sân trường, vườn trường	
12	Vệ sinh cá nhân	Tắm giặt	Học sinh nội trú/toàn trường	17h00p-17h30p	Khu nội trú Bể nước khu nội trú	
13	Ăn tối;	Ăn tối	Học sinh nội trú/toàn trường	17h30-18h00p	Nhà ăn	

14	Dọn vệ sinh nhà ăn	quyết dọn	Theo lớp	18h00p-18h30p	Nhà ăn	
15	Xem phim	Xem phim	Học sinh nội trú/toàn trường	18h30p-19h30p	Nhà ăn	
16	Học tối	Học tối	Theo lớp	19h30p-20h45p	Lớp học	
17	Vệ sinh cá nhân	Đánh răng, rửa mặt...	Học sinh nội trú/toàn trường	20h45p-21h15p	Khu nội trú	
18	Ngủ tối	Ngủ tối	Học sinh nội trú/toàn trường	21h-15p đến 5h15p ngày hôm sau.	Phòng nội trú	

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường

- Sinh hoạt dưới cờ, HĐTN do TPTĐ, giáo viên chủ nhiệm thực hiện.

-Tổ chức các hoạt động giáo dục theo lớp

(Có Phụ lục 1.4 kèm theo)

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025- 2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục:

Thực hiện Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Ngày tựu trường: Lớp 1: Ngày 22/8/2025; Lớp 2- 5: Ngày 29/8/2025

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2025

Học kỳ I: Từ ngày 08/09/2025 đến 17/01/2026 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Học kỳ II: Từ ngày 19/01/2026 kết thúc ngày 22/05/2026 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Ngày bế giảng năm học: Từ ngày 31/05/2026

Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn...).

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có...)

Tại trường PTDTBT Tiểu học Nậm Nền thời gian thực hiện chương trình năm học 2025- 2026 cụ thể như sau:

4.1. Đối với khối lớp 1

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học

TUẦN 1 đến TUẦN 35									
THỜI GIAN		Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tuần	Ngày/tuần	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	HĐTN	T.Việt	T.Việt	T.Việt	T.Việt			<i>-Nghỉ tết dương lịch vào thứ 4(1/1)tuần 17 điều chỉnh học bù vào tuần chiều thứ 6 tuần 17.</i> <i>- Nghỉ ngày Giỗ tổ Hùng Vương (27/4 vào thứ 2 sau tuần 31)</i> <i>-Nghỉ 30/4; 1/5 vào thứ 5, 6) sau tuần 31.</i>
	2	Toán	T.Việt	GDTC	Toán	T.Việt			
	3	T.Việt	T.Việt	T.Việt	T.Anh	T.Việt			
	4	T.Việt	Toán	T.Việt	GDTC	HĐTN			
Chiều	1	Đ. đức	M.thuật	TNXH	T.V*				
	2	T.Việt	Â. nhạc	T.Việt	TNXH				
	3	TCTV	HĐTN	Toán*	ĐSTV	SHCM (HĐTT)			
Tổng số tiết/tuần		32							
TỔNG HỢP									
TT	Nội dung			Số lượng tiết học		Chi chú			
1	Tiếng Việt			420					
2	Toán			105					
3	Đạo đức			35					
4	TNXH			70					
5	Giáo dục thể chất			70					
6	Âm nhạc			35					
7	Mĩ thuật			35					
8	HĐTN			105					
9	Tăng cường tiếng việt			18					
10	Đọc sách tại thư viện			35					
11	GDĐP			22					
Môn học tự chọn									
1	Toán+			70					
2	Tiếng việt +			70					
	Sinh hoạt chuyên môn			105					
				4					
	nam								
	Tổng số tiết học kỳ I			570					
	Tổng số tiết học kỳ II			537					

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1(Phụ lục 2 kèm theo)

4.2 Đối với khối lớp 2

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

TUẦN 1 đến TUẦN 35										
THỜI GIAN		Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tuần	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tuần	Ngày/tháng	Điều chỉnh kế hoạch Tuần	
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật		
Sáng	1	Toán	T.Việt	GDTC	T.Việt	Toán*			<i>-Nghỉ tết dương lịch vào thứ 4(1/1)tuần 17 điều chỉnh học bù vào tuần chiều thứ 6 tuần 17.</i> <i>- Nghỉ ngày Giỗ tổ Hùng Vương (27/4 vào thứ 2 sau tuần 31)</i> <i>-Nghỉ 30/4; 1/5 vào thứ 5, 6) sau tuần 31.</i>	
	2	HĐTN	Toán	TNXH	T.Việt*	Toán				
	3	T.Việt	T.Việt	Toán	Toán	TCTV				
	4	T.Việt	T.Việt	T.Việt	Â. nhạc	HĐTN				
Chiều	1	GDTC	T.Việt	T.Việt	TNXH					
	2	Đ. đức	MT	Toán*	T.Việt*					
	3	T.Việt	Độc STV	HĐTN	GDDP	SHCM (HĐTT)				
Tổng số tiết/tuần		32								
TỔNG HỢP										
T	Nội dung			Số lượng tiết học		Chi chú				
1	Tiếng Việt			350						
2	Toán			175						
3	Đạo đức			35						
4	TNXH			70						
5	Giáo dục thể chất			70						
6	Âm nhạc			35						
7	Mỹ thuật			35						
8	HĐTN			105						
9	Tăng cường tiếng việt			35						
10	Đọc sách tại thư viện			35						
11	GDDP			22						
Môn học tự chọn										
1	TV+			70						
2	Toán +			70						
	Sinh hoạt chuyên môn			105						
	Giáo dục thể chất			4						
	Tổng số tiết học kỳ II			570						
	Tổng số tiết học kỳ II			537						

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2 (Phụ lục 2 kèm theo)

4.3 Đối với khối lớp 3.

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học

TUẦN 1 đến TUẦN 35									
THỜI GIAN		Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tuần	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	HĐTN	Toán	T.Việt	TNXH	Đạo đức			<i>-Nghỉ tết dương lịch vào thứ 4(1/1)tuần 17 điều chỉnh học bù vào tuần chiều thứ 6 tuần 17.</i> <i>- Nghỉ ngày Giỗ tổ Hùng Vương (27/4 vào thứ 2 sau tuần 31)</i> <i>-Nghỉ 30/4; 1/5 vào thứ 5, 6) sau tuần 31.</i>
	2	T.Việt	T.Việt	Toán	T.Việt	Toán			
	3	T.Việt	T.Việt	TNXH	T.Anh	Công nghệ			
	4	Toán	T.Việt	T.Anh	Toán	HĐTN			
Chiều	1	T.Anh	Tin học	GDTC	Toán*				
	2	MT	Độc STV	T.Anh	HĐTN				
	3	GDTC	Â.Nhạc	GDĐP	TCTV	SHCM (HĐTT)			
Tổng số tiết/tuần		32							
TỔNG HỢP									
TT	Nội dung			Số lượng tiết học		Chi chú			
1	Tiếng Việt			245					
2	Toán			175					
3	Tiếng Anh			140					
4	Đạo đức			35					
5	Tự nhiên và Xã hội			70					
6	Âm nhạc			35					
7	Mĩ thuật			35					
8	Tin học & công nghệ			70					
9	Giáo dục thể chất			70					
10	HĐTN			105					
11	Tăng cường tiếng việt			35					
12	Độc sách tại thư viện			35					
13	GDĐP			22					
Môn học tự chọn				70					
1	TV+			0					
2	Toán +			35					
	Sinh hoạt chuyên môn			105					
	Các ngày nghỉ trong năm			4					
	Tổng số tiết học kỳ I			570					
	Tổng số tiết học kỳ II			537					

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3(*Phụ lục 2 kèm theo*)

4.4. Đối với khối lớp 4

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học

TUẦN 1 đến TUẦN 35										
THỜI GIAN		Ngày/t háng	Ngày/thán g	Ngày/th áng	Ngày/thán g	Ngày/thá ng	Ngà y/th áng	Ngày/ tháng	Điều chỉnh kế hoạch Tuần	
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	<i>-Nghỉ tết dương lịch vào thứ 4(1/1)tuần 17 điều chỉnh học bù vào tuần chiều thứ 6 tuần 17. - Nghỉ ngày Giỗ tổ Hùng Vương (27/4 vào thứ 2 sau tuần 31) -Nghỉ 30/4; 1/5 vào thứ 5, 6) sau tuần 31.</i>	
Sáng	1	HĐTN	Toán	T.Việt	T.Việt	GDTC				
	2	T.Việt	LS&ĐL	T.Việt	T.Việt	Toán				
	3	T.Việt	HĐTN	Đạo đức	Toán	T.Việt				
	4	Toán	T.Anh	Toán	T.Anh	HĐTN				
Chiều	1	GDTC	T.Anh	T.Anh	K.học	SHCM (HĐGD)				
	2	Tin	Công nghệ	Â.Nhạc	K.học					
	3	MT	Độc STV	GDĐP	LS&ĐL					
Tổng số tiết/tuần		32								
TỔNG HỢP										
TT	Nội dung			Số lượng tiết học		Chi chú				
1	Tiếng Việt			245						
2	Toán			175						
3	Tiếng Anh			140						
4	Đạo đức			35						
5	Khoa học			70						
6	Lịch sử và Địa lí			70						
7	Âm nhạc			35						
8	Mĩ thuật			35						
9	Tin học & công nghệ			70						
10	Giáo dục thể chất			70						
11	HĐ TN			105						
12	Độc sách tại thư viện			35						
13	GDĐP			22						
Môn học tự chọn										
1	TV+			0						
2	Toán +			0						
	Sinh hoạt chuyên môn			105						
	Các ngày nghỉ trong năm			4						
	Tổng số tiết học kỳ I			570						

	Tổng số tiết học kỳ II	537	
--	------------------------	-----	--

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4(*Phụ lục 2 kèm theo*)

4.5 Đối với khối lớp 5

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học

TUẦN 1 đến TUẦN 35										
THỜI GIAN		Ngày/t háng	Ngày/tháng	Ngày/th áng	Ngày/thá ng	Ngày/thán g	Ngà y/th áng	Ngày /thán g	Điều chỉnh kế hoạch Tuần	
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật		
Sáng	1	HĐTT	Toán	T.Việt	T.Việt	GDTC			<i>-Nghỉ tết dương lịch vào thứ 4(1/1)tuần 17 điều chỉnh học bù vào tuần chiều thứ 6 tuần 17. - Nghỉ ngày Giỗ tổ Hùng Vương (27/4 vào thứ 2 sau tuần 31) -Nghỉ 30/4; 1/5 vào thứ 5, 6) sau tuần 31.</i>	
	2	T.Việt	LS&ĐL	T.Việt	T.Việt	Toán				
	3	T.Việt	K.học	Đạo đức	Toán	T.Việt				
	4	Toán	T.Anh	Toán	T.Anh	HĐTN				
Chiều	1	Độc STV	T.Anh	T.Anh	LS&ĐL	SHCM (HĐTT)				
	2	Tin	Công nghệ	K.học	Â.Nhạc					
	3	MT	GDTC	GDĐP	HĐTN					
Tổng số tiết/tuần		32								
TỔNG HỢP										
TT	Nội dung			Số lượng tiết học		Chi chú				
1	Tiếng Việt			245						
2	Toán			175						
3	Tiếng Anh			140						
4	Đạo đức			35						
5	Khoa học			70						
6	Lịch sử và Địa lí			70						
7	Âm nhạc			35						
8	Mĩ thuật			35						
9	Tin học & công nghệ			70						
10	Giáo dục thể chất			70						
11	HĐ TN			105						
12	Đọc sách tại thư viện			35						
13	GDĐP			22						
Môn học tự chọn										
1	TV+			0						
2	Toán +			0						
	Sinh hoạt chuyên môn			105						

	Các ngày nghỉ trong năm	4	
	Tổng số tiết học kỳ I	570	
	Tổng số tiết học kỳ II	537	

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5 (*Phụ lục 2 kèm theo*)

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (trong thẩm quyền và nhiệm vụ của Hiệu trưởng)

Tiếp tục thực hiện tốt công tác rà soát hệ thống cơ sở vật chất nhà trường nhằm đảm bảo an toàn trường học khi học sinh đến trường tham gia các hoạt động giáo dục theo quy định.

Tham mưu việc mua sắm, bổ sung thiết bị dạy học lớp 1, 2, 3, 4, 5 theo quy định tại thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học.

Thực hiện tốt phong trào tự làm đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học theo đúng kế hoạch của nhà trường, trang trí lớp học một cách linh hoạt, sáng tạo đáp ứng đổi mới phương pháp dạy học, phù hợp với tâm lý học sinh.

2. Thực hiện công tác đội ngũ (số lượng, chất lượng, trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp, ...)

Thực hiện việc rà soát số lượng đội ngũ giáo viên thực hiện trong năm học, tham mưu kịp thời với Phòng Giáo dục về việc bổ sung giáo viên Mĩ thuật cho nhà trường nhằm đảm bảo đủ số lượng giáo viên theo đúng quy định.

Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác bồi dưỡng thường xuyên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Triển khai thực hiện hiệu quả các buổi sinh hoạt chuyên môn tại trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên luôn được trao đổi kinh nghiệm học hỏi chuyên môn nghiệp vụ của đồng chí đồng nghiệp để đưa ra được nhiều phương pháp, giải pháp thực hiện những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục các môn học và hoạt động giáo dục. Từ đó, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên.

Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hằng năm, tham mưu với cấp có thẩm quyền tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng về công tác chuyên môn và trình độ đào tạo phấn đấu đến năm 2025 đội ngũ giáo viên trong nhà trường có trình độ đạt chuẩn trở lên theo đúng quy định của LGD năm 2019.

Thực hiện đánh giá viên chức đúng theo Nghị định 90/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ và đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

Thực hiện sinh hoạt chuyên môn các tổ khối trong nhà trường, cụm trường; đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng lấy học sinh làm trung tâm, thông qua nghiên cứu bài học và khai thác các chuyên đề dạy học trong nhà trường theo hướng dẫn tại Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Căn

cứ kế hoạch số 712/PGDDT-CMTH ngày 22 tháng 08 năm 2024 của phòng giáo dục và đào tạo huyện Mường Chà V/v triển khai kế hoạch chuyên môn cấp tiểu học năm học 2024-2025;

Thực hiện đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học, thực hiện dạy học phù hợp với đối tượng học sinh, trên cơ sở chuẩn kiến thức kỹ năng và định hướng phát triển năng lực học sinh theo từng khối lớp.

Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện hiệu quả sinh hoạt chuyên môn tổ, khối, trường trường 2 buổi/tháng, mỗi buổi 3 tiết, mỗi tiết 45 phút. Tham gia sinh hoạt chuyên môn.

Nội dung sinh hoạt chuyên môn hàng tuần tập trung vào nghiên cứu chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, chương trình môn học, chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ quan sát lớp học, rút kinh nghiệm trong tổ nhằm đánh giá việc dạy học phát triển năng lực; nghiên cứu bài học; triển khai các nội dung chuyên môn mới; tổ chức chuyên đề đi sâu đổi mới phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học. Mỗi tổ chuyên môn thực hiện tối thiểu 01 chuyên đề/năm học trở lên về dạy học theo hướng nghiên cứu bài học. Vận dụng các chuyên đề này một cách thiết thực nhằm đẩy mạnh chất lượng giảng dạy trong nhà trường.

4. Duy trì số lượng, nâng cao chất lượng học sinh

Chỉ đạo giáo viên tham mưu với cấp ủy bản, trường bản các bản, các tổ chức đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động học sinh ra lớp đảm bảo chỉ tiêu giao, duy trì tốt số lượng học sinh đảm bảo không để học sinh bỏ học giữa chừng. Duy trì tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày đạt 100%. Tổ chức tốt việc dạy học hai buổi trên ngày, nâng cao chất lượng của buổi học thứ hai (ôn tập bổ sung những kiến thức đã học của buổi sáng, củng cố, nâng cao kiến thức kỹ năng và hoàn thành các bài tập, bài học trong ngày vào buổi học thứ hai).

Nâng cao chất lượng dạy học 2 buổi/ngày; đảm bảo tỉ lệ giáo viên/lớp theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục công lập. Học sinh học 2 buổi/ngày được tăng cường kiến thức kỹ năng thông qua các môn học, giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động nhằm phát triển năng lực thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động trải nghiệm.

Thường xuyên thực hiện dạy tăng cường TV cho HSĐT, nhất là HS lớp 1, 2; Đồng thời ôn tập bổ sung những kiến thức học sinh còn chưa hoàn thành môn học. Có kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập các bộ môn ở tất cả các khối lớp ngay từ đầu năm học. Thường xuyên phối kết hợp cùng gia đình HS để ôn tập, củng cố kiến thức, kỹ năng học tập đảm bảo theo yêu cầu từng khối lớp.

5. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng

Trong mỗi tiết dạy cần quan tâm đến từng đối tượng học sinh, quan tâm phát triển năng lực cho học sinh vượt trội, chú ý giúp đỡ đối tượng học sinh khó khăn trong học tập,

Khuyến khích các em đăng ký tham gia các lớp phát triển năng khiếu bản thân như: múa, vẽ, thể thao, bơi...

Tăng cường bồi dưỡng, phụ đạo trong các tiết học chính khóa và tiết tăng thêm theo hình thức dạy phân hóa đối tượng học sinh.

6. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Xây dựng cụ thể kế hoạch dạy học các môn học, chương trình giáo dục nhà trường. Tăng cường tổ chức các hoạt động học tập ngoài lớp học phù hợp với nội dung các môn học và hoạt động giáo dục. Tiếp tục đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học.

Sử dụng phương pháp song ngữ để dạy cho học sinh lớp 1

Xây dựng kế hoạch động viên, khuyến khích giáo viên tích cực tự học, tự bồi dưỡng để tổ chức đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống.

7. Đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh

Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả việc đánh giá học sinh theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiếp tục đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá bằng hồ sơ học tập; vở học tập; đánh giá qua việc quan sát, hỏi đáp và viết. Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề thi, kiểm tra theo ma trận theo các mức độ quy định.

Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học lên lớp; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất đúng quy định, tránh khen thưởng tùy tiện, máy móc, khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

8. Nâng cao chất lượng dạy học Ngoại ngữ, Tin học

Tiếp tục thực hiện Chương trình tiếng Anh tự chọn bảo đảm các yêu cầu được quy định trong chương trình làm quen với tiếng Anh ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để tổ chức cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 học Tiếng Anh theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ GD&ĐT. Thực hiện theo Công văn số 681/BGDĐT-GDTH, ngày 04/3/2020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy môn tiếng Anh tự chọn lớp 1,2 theo Chương trình GDPT 2018; Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 về tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin

học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, cấp Tiểu học; Công văn số 3818/BGDĐT- GDTH, ngày 31/7/2023 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học các môn Ngoại ngữ 1 cấp Tiểu học. Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh cấp tiểu học Công văn 2679/ SGDĐT-GDMNTH ngày 8/9/2025 về việc hướng dẫn tổ chức dạy tiếng Anh cấp Tiểu học năm học 2025-2026 đáp ứng Chương trình GDPT 2018

Tổ chức cho giáo viên, học sinh, tham gia học tiếng Anh qua truyền hình, trực tuyến và các phương tiện truyền thông phù hợp khác; đẩy mạnh thực hành tiếng Anh qua các hoạt động giao tiếp, đọc truyện, trải nghiệm, các sân chơi, giao lưu tiếng Anh.

Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ GDĐT về việc tổ chức dạy học môn tin học chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học). Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn tại công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT ngay từ lớp 1 nhằm hình thành các kỹ năng cần thiết cho công dân số, làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3,4,5. Tham gia huấn luyện xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục kỹ năng công dân số theo Chương trình GDPT theo hướng dẫn của Bộ GDĐT

9. Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ trước khi vào lớp 1 và học sinh dân tộc thiểu số

Tiếp tục tổ chức dạy tăng cường Tiếng Việt cho học sinh dân tộc qua các môn học và hoạt động giáo dục. Quan tâm đặc biệt đến 2 tuần đầu năm học đối với học sinh lớp 1 dạy nền nếp học tập, sử dụng kí hiệu trong quá trình dạy học, hướng dẫn học sinh cách sử dụng bút, thước, bảng con, sách, vở, tư thế ngồi viết...), thường xuyên rèn kỹ năng nghe, nói phát âm) viết chính tả cho học sinh lớp 1, 2, 3.

Dạy tăng cường tiếng việt cho học sinh dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 theo Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1.

Tiếp tục triển khai việc thực hiện Kế hoạch số 831/KH-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025. Việc dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số sử dụng các tài liệu đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn, thẩm định và phê duyệt theo: Sách giáo khoa lớp 1 thực hiện như năm học 2020-2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh; lớp 2 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh; lớp 3 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh; lớp 4 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 4699/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh; lớp 5 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh.

Đối với các lớp 2, 3, 4, 5 tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy tập làm văn theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp. Xây dựng thói quen đọc sách cho học sinh thông qua các hoạt động giao lưu tiếng Việt, ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, duy trì thư viện góc lớp, thư viện xanh, thư viện lưu động và tiết học tại thư viện nhà trường.

*** Đọc sách thư viện:** Thực hiện theo thông tư 16/TT- BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục Mầm non và phổ thông tại khoản 1 điều 14 Tiêu chuẩn về quản lý thư viện: Quản lý tài nguyên thông tin, cơ sở vật chất thiết bị chuyên dùng và hoạt động thư viện; Trách nhiệm các bên liên quan: Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, người làm công tác thư viện, giáo viên; người làm công tác thư viện.

Phối kết hợp với Hiệu trưởng, cán bộ thư viện chuẩn bị mọi điều kiện như xây dựng kế hoạch, hệ thống hồ sơ sổ sách, CSVC đảm bảo cho các em học sinh học tiết đọc thư viện, cung cấp cho các em nhiều kiến thức về tiếng việt, giáo dục phẩm chất và năng lực cho học sinh thông qua môn học. Tự đánh giá thư viện bảo đảm tính khách quan, chính xác, trung thực, công khai, minh bạch, bình đẳng trong đánh giá thư viện.

10. Thực hiện giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.

Huy động tối đa số trẻ khuyết tật từ 6 đến 10 tuổi ra lớp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật và chỉ tiêu phổ cập giáo dục tiểu học. Năm học 2025- 2026 nhà trường có 6 học sinh khuyết tật.

Tiếp tục tạo mọi điều kiện cho trẻ khuyết tật tiếp cận giáo dục theo Luật người khuyết tật năm 2010 và thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT- BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Lao động thương binh và xã hội- Bộ Tài chính về quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật. Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ GD&ĐT quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

Xây dựng, phê duyệt kế hoạch dạy học hòa nhập của các khối lớp, chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục hòa nhập, đánh giá học sinh khuyết tật theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh là chính. Việc đánh giá sự tiến bộ của trẻ được ghi trong sổ theo dõi trẻ khuyết tật.

Nắm chắc số liệu, danh sách trẻ khuyết tật trong độ tuổi học tiểu học; thống kê, báo cáo kết quả giáo dục trẻ khuyết tật theo quy định.

11. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục kỹ năng sống.

Tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hành và hình thành ở học sinh một số kỹ năng sống cơ bản trên cơ sở hướng dẫn thực hiện các hoạt động trải nghiệm khám phá, qua hoạt động Đội, Sao, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhằm giúp học sinh tham gia tích cực các hoạt động trải nghiệm, khám phá, thực hành về kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi nhằm giúp học

sinh có được cảm giác an toàn mọi lúc mọi nơi, có được tính tự lực, tự tin, sáng tạo trong cuộc sống.

Tiếp tục tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp theo hướng dẫn tại Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực, giáo dục bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, dịch bệnh cho học sinh.

Tiếp tục tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống theo quy định tại Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức, giá trị, thái độ và kỹ năng phù hợp. Trên cơ sở đó hình thành cho học sinh những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực; loại bỏ những hành vi, thói quen tiêu cực trong các mối quan hệ, các tình huống và hoạt động hàng ngày. Giúp học sinh làm chủ bản thân, thích ứng và biết cách ứng phó trước những tình huống khó khăn trong cuộc sống hằng ngày; Rèn cách sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng; Có hướng suy nghĩ tích cực và tự tin, tự quyết định và lựa chọn những hành vi đúng đắn. Tạo cơ hội thuận lợi để học sinh thực hiện tốt quyền, bổn phận của mình và phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức. Tạo cơ hội cho giáo viên điều chỉnh, đổi mới phương pháp giảng dạy; phát huy khả năng trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục; phát hiện những năng khiếu, phẩm chất, năng lực của học sinh; góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học.

Chỉ đạo kịp thời việc dạy học tích hợp, dạy học lồng ghép các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực, giáo dục bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, dịch bệnh trong các tiết học.

12. Tổ chức dạy tích hợp

** Dạy nội dung giáo dục địa phương*

Nội dung giáo dục địa phương lớp 1,2,3,4,5 được dạy học tích hợp trong môn hoạt động trải nghiệm theo hướng dẫn tại Công văn số 99/SGDĐT-GDTH ngày 19/01/2021 của Sở GD&ĐT.

Chủ đề thiên nhiên và con người địa phương trong Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 tỉnh Điện Biên được thực hiện với thời lượng 4 tiết trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung "Địa phương và các vùng miền của Việt Nam" trong Chương trình GDPT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lý lớp 4.

** Dạy nội dung giáo dục ANQP:* Thực hiện nghiêm túc thông tư Số: 08/2023/TT-BGDĐT ra ngày 15 tháng 05 năm 2024 về việc Hướng dẫn giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học. Lồng ghép thông qua nội dung các bài trong các môn học Tiếng Việt, TNXH, đạo đức, LS&ĐL, Nghệ thuật, HĐTN. Chủ đề lồng ghép chung từ lớp 1 đến lớp 5: giáo dục tình yêu quê hương, yêu hòa bình, yêu tổ quốc VN XHCN; niềm tự hào, tự tôn dân tộc; lòng biết ơn các anh hùng, liệt sĩ trong XD và bảo vệ tổ quốc; bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn XH, giới thiệu chủ quyền biển, đảo VN, giáo dục

tinh thần đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau, có ý thức tổ chức kỉ luật trong học tập; và các chủ đề lồng ghép theo từng khối lớp..

* *Dạy nội dung giáo dục ATGT*: Thực hiện theo tài liệu “giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh tiểu học” của BGD&ĐT theo quyết định số 4667 – QĐ/BGD&ĐT ngày 24/12/2020. Lồng ghép thông qua nội dung các bài trong các môn học theo chủ đề, chủ điểm: TNXH, hoạt động trải nghiệm.

* *Dạy nội dung giáo dục lý tưởng CM*: Sử dụng tài liệu để tổ chức giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh tiểu học theo hình thức và phương pháp phù hợp với kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng từ đầu năm học. Thực hiện lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học phù hợp với mục tiêu, nội dung và yêu cầu cần đạt của bài học/mạch kiến thức/chủ đề của các môn học, hoạt động giáo dục. Quyết định số 4246/QĐ-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

* *Dạy nội dung giáo dục quyền con người*: Tích hợp vào các môn học và hoạt động giáo dục; Nội dung tích hợp Một số kiến thức cơ bản về các nguyên tắc, giá trị về quyền con người (bình đẳng, không phân biệt đối xử, khoan dung và tôn trọng sự khác biệt,...); Các quyền con người của trẻ em đã được pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam quy định; Bảo đảm để trẻ em thực hiện được đầy đủ quyền và bổn phận của mình; Không phân biệt đối xử với trẻ em; Bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em trong các quyết định liên quan đến trẻ em; Tôn trọng, lắng nghe, xem xét, phản hồi ý kiến, nguyện vọng của trẻ em; Khi xây dựng chính sách, pháp luật tác động đến trẻ em, phải xem xét ý kiến của trẻ em và của các cơ quan, tổ chức có liên quan; bảo đảm lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và địa phương.

* *Nội dung giáo dục kĩ năng công dân số*: Tích hợp vào giảng dạy cho học sinh thông qua dạy học môn Tin học; tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT tại Công văn số 3899/BGDĐTGDTH ngày 30/7/2024.

13. Dạy học giáo dục STEM

Tiếp tục triển khai giáo dục STEM ở cấp tiểu học theo hướng dẫn tại công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ GD&ĐT và Công văn số 652/SGDĐT- GDMT ngày 22/3/2023 của Sở GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học.

Hướng dẫn giáo viên sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ website <http://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GD&ĐT.

Tổ chức xây dựng kế hoạch dạy học theo chủ đề, phân phối chương trình các môn học hoạt động giáo dục đảm bảo mỗi giáo viên cần nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học. Trên cơ sở đó, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy, đề xuất những nội dung cần điều chỉnh hoặc bổ sung, tích hợp; điều chỉnh thời lượng thực hiện, nguồn học liệu, thiết bị dạy học, hình thức tổ chức và phương pháp dạy học, hình thức tổ chức và phương pháp đánh giá; xây dựng phân phối chương trình dạy học linh hoạt phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện

tổ chức dạy học, đảm bảo các yêu cầu cần đạt của chương trình đối với môn học, hoạt động giáo dục để đạt hiệu quả cao nhất.

14. Tổ chức dạy học câu lạc bộ:

Triển khai Công văn số 773/PGDDT-THCS ngày 04 tháng 9 năm 2024 của phòng giáo dục và đào tạo huyện Mường Chà V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao trường học năm học 2024- 2025.

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án Tổng thể phát triển Giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025; Kế hoạch 398/KH-BGDDT ngày 09/5/2019 về việc thực hiện Kết luận của Bộ trưởng tại Hội nghị "Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và thể thao trường học trong ngành Giáo dục". Thông tư 48/2020/TT-BGDDT ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT Quy định về thể thao trường học

Tổ chức xây dựng kế hoạch khảo sát ban đầu của học sinh, CBCNV phù hợp với chủ đề chủ điểm năm học nhằm đảm bảo cho học sinh, CBCNV được phát huy năng khiếu của bản thân trong khi thực hiện nhiệm vụ và phát huy, bảo tồn hoạt động thể dục thể thao, dân ca, dân vũ cho học sinh vào các buổi chiều hàng tuần. (câu lạc bộ HS: TD nhịp điệu, dân vũ; cờ vua; CBCNV: bóng truyền hơi nam (nữ); cầu lông). Tạo điều kiện cho các thành viên giao tiếp, ứng xử, vui chơi, giải trí lành mạnh, bày tỏ quan điểm, tâm tư nguyện vọng, đồng thời hỗ trợ giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong học tập và trong cuộc sống. Tiếp cận tập luyện và phát triển môn thể thao mới **Pickleball** đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

15. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và bán trú

Duy trì 100% số trường tiểu học tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 07 tiết học, mỗi tiết học 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học tối thiểu 09 buổi/tuần (tương đương với 32 tiết/tuần).

Nội dung và hình thức dạy học:

- Buổi 1: Tổ chức dạy học nội dung Chương trình giáo dục phổ thông các môn học và hoạt động giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDDT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Buổi 2: Tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục về văn hóa, nghệ thuật, giáo dục STEM, giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh,...

Thực hiện giáo dục học sinh tiểu học triển khai Quyết định số 2195/QĐ-BGDDT ngày 10/8/2022 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt Hướng dẫn công tác tổ chức bữa ăn học đường kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh trong các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học; tổ chức bữa ăn học đường kết hợp với tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ theo Tài liệu hướng dẫn ban hành kèm theo Quyết định số 2195/QĐ-BGDDT ngày 10/8/2022 của Bộ GDĐT.

Từng bước đầu tư hệ thống cơ sở vật chất và kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06/02/2023 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú.

Tổ chức quản lý học sinh bán trú theo quy định tại Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT ngày 27/6/2011 của Bộ GD&ĐT về Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng:

Lãnh đạo điều hành toàn bộ công việc của trường, chịu trách nhiệm trước Sở GD&ĐT; UBND xã về hoạt động của nhà trường.

Xây dựng kế hoạch chỉ đạo hoạt động giáo dục và điều hành chung mọi công việc.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.

Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng trong năm học. Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường; Ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn. Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.

Phụ trách công tác tuyển sinh, thu chi đầu năm, công tác xã hội hóa, kế hoạch của nhà trường, công tác kiểm tra, thi đua khen thưởng. Chủ tài khoản kinh phí hoạt động của trường.

Chấp hành sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, chủ động phối hợp với các đoàn thể thực hiện tốt kế hoạch mục tiêu đề ra.

Trực tiếp chỉ đạo, giải quyết những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực GD&ĐT tại nhà trường.

Chủ trì các buổi họp hội đồng, hội nghị của trường. Chỉ đạo các hoạt động phong trào của trường. Tham gia sinh hoạt chuyên môn tổ 4+5

Kiểm tra đôn đốc việc thực hiện ngày công giờ công và văn hóa công sở của cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh.

Thực hiện tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương và Sở GD&ĐT về các hoạt động GD.

Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể chính trị; phát huy dân chủ trong công tác để đạt hiệu quả cao trong các hoạt động quản lý, điều hành.

Tham gia các cuộc họp, Hội nghị, các công việc khác theo sự phân công của Sở GD&ĐT, UBND xã.

2. Phó hiệu trưởng

Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, đảm bảo dạy không quá 7 tiết/ngày; 9 buổi /tuần.

Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ và các hoạt động khác có liên quan đến các hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ đề tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

Đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện kế hoạch hàng tháng của các bộ phận và nhà trường.

Kiểm toán và cập nhập hồ sơ sổ sách quản lý, hồ sơ công việc.

Công tác phổ cập GDTH- CMC; Công tác Giáo dục thường xuyên, tham gia các hoạt động PC GDTH- CMC. Nhập liệu quản lý PCCMC- Trên trang PCGD moet.gov.vn; Phụ trách thống kê tổng hợp báo cáo; bảng biểu công tác quản lý và sử dụng cơ sở vật chất, Thư viện-Thiết bị.

Chỉ đạo thực hiện công tác Thư viện thiết bị; Phụ trách theo dõi cơ sở vật chất nhà trường.

Trong quá trình thực hiện, cần bổ sung kịp thời những việc phát sinh theo tình hình thực tế. Tham mưu đề xuất với HT biện pháp giải quyết công việc.

3. Tổ trưởng chuyên môn

Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục các môn học và hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn.

Căn cứ vào kế hoạch giáo dục của nhà trường, xây dựng và giải trình kế hoạch dạy học các môn học theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học của tổ theo tuần, tháng, học kỳ và năm học.

Thực hiện kế hoạch hoạt động chuyên môn của trường, của tổ chủ động và linh hoạt.

Đề xuất hiệu trưởng phân công giáo viên dạy và giáo viên chủ nhiệm lớp theo năm học.

Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông; tham gia đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo Chuẩn hiệu trưởng.

Tổ chức sinh hoạt ít nhất hai tuần một lần để thực hiện các nhiệm vụ của tổ chuyên môn trên tinh thần xây dựng môi trường thân thiện, tích cực, tự học để nâng cao trình độ và phát triển năng lực chuyên môn.

4. Đối với GV làm tổng phụ trách Đội

Kết hợp với phó hiệu trưởng và các bộ phận xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động hoạt động trải nghiệm. Tổ chức tất cả các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm tổ chức tại nhà trường.

Thành lập các ban chỉ huy của liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường. Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

5. Đối với giáo viên:

Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm về kế hoạch giáo dục; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (nội dung, phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá học sinh) và chất lượng, hiệu quả giáo dục từng học sinh của lớp mình phụ trách, bảo đảm quy định của chương trình giáo dục, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể của nhà trường.

Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường; thường xuyên cập nhật những chỉ đạo của ngành; chuẩn bị, tổ chức dạy học và đánh giá học sinh theo quy định; thực hiện các hoạt động chuyên môn khác.

Xây dựng mối quan hệ thân thiện, dân chủ giữa giáo viên với học sinh, với cha mẹ học sinh và cộng đồng; giúp học sinh chủ động, sáng tạo, tự tin, tự chủ trong học tập và rèn luyện. Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; ứng xử văn hóa, đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; gương mẫu trước học sinh; thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của học sinh.

Thực hiện tự đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên; tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên giáo viên theo quy định; trao đổi chia sẻ chuyên môn cùng đồng nghiệp trong và ngoài nhà trường thông qua các đợt sinh hoạt chuyên môn, tập huấn.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập và sinh hoạt chuyên môn; sáng tạo, linh hoạt trong việc tự làm đồ dùng dạy học.

Tham gia lựa chọn sách giáo khoa theo quy định; đề nghị nhà trường trang bị các xuất bản phẩm tham khảo, thiết bị dạy học theo quy định, phù hợp để sử dụng trong quá trình dạy học.

Tham gia kiểm định chất lượng giáo dục.

Tham gia thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ ở địa phương.

Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh, cộng đồng và các tổ chức xã hội liên quan để thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

Quản lý, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục tại điểm trường khi được hiệu trưởng phân công.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và theo sự phân công của hiệu trưởng.

Đối với giáo viên chủ nhiệm ngoài các nhiệm vụ trên còn thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Chủ động nắm bắt thông tin từng học sinh của lớp được phân công làm công tác chủ nhiệm; xây dựng các hoạt động giáo dục của lớp thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và của từng học sinh.

+ Thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng và được hiệu trưởng phê duyệt.

+ Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ, giáo viên, tổng phụ trách Đội, các tổ chức xã hội có liên quan để tổ chức các hoạt động giáo dục và hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh lớp mình chủ nhiệm; tổng hợp nhận xét, đánh giá học sinh cuối kỳ I và cuối năm học; hướng dẫn học sinh bình bầu và đề nghị khen thưởng; lập danh sách học sinh đề nghị ở lại lớp; hoàn chỉnh việc ghi học bạ cho học sinh.

+ Báo cáo thường kì hoặc đột xuất về tình hình của lớp với hiệu trưởng.

6. Giáo viên phụ trách môn học: Chịu trách nhiệm giảng dạy môn phụ trách theo sự phân công của Hiệu trưởng. Thực hiện nghiêm túc mọi quy chế chuyên môn. Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy. Kết hợp với nhà trường, GVCN lớp, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường.

Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ. Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.

7. Nhân viên

- Căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, nhân viên xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động cá nhân theo tuần, tháng, năm học nhằm phục vụ cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tùy theo vị trí việc làm, nhân viên trường tiểu học thực hiện nhiệm vụ theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của vị trí việc làm đang đảm nhiệm cụ thể như sau

7.1. Nhân viên TV + TB

- Tổ chức, quản lý hoạt động của thư viện theo tại điểm a,b,c khoản 1 điều 14 của TT16/ TT- BGDDT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục Mầm non và phổ thông + thiết bị;

- Xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động của thư viện đảm bảo theo + thiết bị;

- Tuyên truyền đề CBGV, NV và học sinh tích cực đọc sách;

- Tổ chức “Tuần lễ học tập suốt đời”; “Ngày sách Việt Nam”; tổ chức ngày hội đọc sách...

- Tổng hợp, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến công tác thư viện, thiết bị trường học. Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.2. Nhân viên Y tế

- Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học.
- Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; Giải quyết các trường hợp sơ cứu, xử lý ban đầu các bệnh thông thường
- Tư vấn sức khỏe, vệ sinh phòng dịch cho CBGV, NV và học sinh.
- Tham gia kiểm tra, xây dựng trường học (xanh - sạch - đẹp), an toàn vệ sinh.
- Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình sức khỏe HS, lập sổ sức khỏe, phiếu khám sức khỏe định kì. Thực hiện thống kê, báo cáo về y tế trường học theo qui định của BGDDT, Bộ Y tế.
- Phối hợp với công ty bảo hiểm phổ biến chế độ BH tới GV, HS và phụ huynh HS của nhà trường. Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.3. Nhân viên kế toán

- Lên dự kiến kế hoạch, thu chi cả năm, quý, tháng.
- Quyết toán tài chính đúng qui định, thời gian.
- Quản lý lao động, tiền lương của GV, CB, NV, giải quyết các thủ tục chế độ về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu theo quyết định.
- Kết hợp với GV chủ nhiệm rà soát nhu cầu kinh phí cho HS và giải quyết chế độ cho HS theo qui định.
- Thẩm định giá các hợp đồng kinh tế. Hoạch toán chi sinh hoạt cho HS bán trú.
- Quản lý tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.4. Nhân viên phục vụ

- Đảm bảo tốt vệ sinh môi trường (phòng làm việc, phòng họp, phòng học, hành lang, cầu thang, sân trường, hệ thống thoát nước, các khu vệ sinh của GV và HS, đảm bảo dọn vệ sinh sạch sẽ toàn bộ khuôn viên nhà trường).
- Đảm bảo nước uống, vệ sinh an toàn, đầy đủ cho cán bộ, giáo viên.
- Bảo quản các đồ dùng, dụng cụ được nhà trường trang bị.
- Báo cáo kịp thời tình hình giữ gìn vệ sinh của các bộ phận, các thành viên trong nhà trường. Chủ động khắc phục những việc trong khả năng có thể, kiến nghị kịp thời những vấn đề nằm ngoài khả năng tự giải quyết của cá nhân.
- Phối hợp tốt với bảo vệ và các GVCN để hoàn thành tốt nhiệm vụ, đóng góp tích cực vào việc xây dựng môi trường sư phạm của nhà trường xanh - sạch - đẹp.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.5. Nhân viên bảo vệ

- Giữ gìn ANTT, an toàn về người và tài sản của nhà trường, của GV, HS.

- Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản trong phạm vi nhà trường.

- Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và bảo quản thiết bị phòng cháy, chữa cháy. Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 của Trường PTDTBT Tiểu học Nậm Nền. Nhà trường yêu cầu các bộ phận chức năng, tổ khối chuyên môn, các giáo viên kết hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng VHXX xã(b/c);
- BGH (p/h thực hiện);
- CBGV, NV (t/h) ;
- Lưu: VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Trần Thị Hằng